

NHỮNG QUY LUẬT VỀ SỰ PHÙ HỢP GIỮA CHỦ NGỮ VÀ ĐỘNG TỪ

I. Tóm tắt bài giảng

Mở đầu:

Hai chủ ngữ liên kết với nhau bằng liên từ 'and' thì cần động từ **số nhiều**.

- Helen **and** Dorothy are here. (Helen và Dorothy ở đây.)

Lưu ý:

- Nếu hai chủ ngữ tuy nối với nhau bằng 'and' nhưng lại được xem như là một thì động từ theo sau vẫn ở số ít.

Ví dụ: The president **and** CEO is Mr. Smith.

Chủ tịch (Hội đồng quản trị) kiêm giám đốc điều hành là ông Smith.

Quy tắc 1: Nếu chủ ngữ là cụm danh từ dạng: The N1 of the N2 thì động từ chia theo danh từ chính - danh từ thứ 1.

Ví dụ:

- The **reports** of the department **were** lost yesterday.
- **Attendance** at this year's seminars **is** low

Quy tắc 2: Each/every + Danh từ đếm được số ít : chia động từ số ít

- Each/Every student **has** a pencil.
- Each of the students **has** a pencil.

Đặc biệt:

- Khi 'each' theo sau chủ ngữ, thì each không còn ảnh hưởng gì đến động từ nữa.
Ví dụ: The students each **have** a pencil.
- Các từ 'each' và 'every' đứng trước những chủ ngữ số ít liên kết với nhau bằng liên từ 'and' thì động từ vẫn ở số ít.
 - Each boy **and** girl in the room gets only one vote.
Mỗi cô cậu ở trong phòng này chỉ có duy nhất một phiếu bầu.
 - Nearly every teacher **and** student in this school is opposed to the new rule.
Hầu như mọi giáo viên và sinh viên trường này đều chống lại quy định mới.

Quy tắc 3. Các từ: 'Both', 'many', 'a few', 'several' dùng với danh từ số nhiều và chia động từ số nhiều

Ví dụ: Both students **are** Vietnamese.

Both + N1 + and + N2 + động từ số nhiều.

Ví dụ: Both Lan and Trang **are** Vietnamese.

Both of the students **are** Vietnamese.

Tương tự:

Many students hoặc many of the students + động từ chia số nhiều

Lưu ý: "Some", "A lot of", "any" và "All" có thể dùng với danh từ đếm được số nhiều (thì chia động từ số nhiều) hoặc dùng với danh từ không đếm được (thì chia động từ số ít)

Ví dụ:

Some people find this more difficult **than** others./ There **is** still **some wine** in the bottle.

All my plants have died./ **All wood tends** to shrink.

All of the **food has** gone./ All of the students are intelligent.

Quy tắc 4. Cần chú ý đến những cụm từ xen vào giữa chủ ngữ và động từ như: *as well as, in addition to, together with, along with, accompanied by, including, not to mention...* Gặp những trường hợp như thế, ta hãy thận trọng dùng động từ phù hợp với chủ ngữ chứ không phải là phù hợp với danh từ nào đứng gần động từ.

- Dorothy, as well as her brothers, intends to spend the summer here.

Dorothy, cũng như các em trai cô ấy, dự định nghỉ hè ở đây.

Trong câu này, *Dorothy* là chủ ngữ chứ không phải *brothers*, nên ta dùng động từ *intend* ở ngôi thứ 3 số ít (intends).

Quy tắc 5. Khi chủ ngữ là những danh từ liên kết với nhau bằng liên từ *or, nor* hoặc *but* hay các cặp liên từ tương quan như “*neither... nor*”, “*either... or*”, “*not only... but also*” thì động từ phải đồng thuận với chủ ngữ nào gần nhất.

- Her car **or** Helen's *is* always available. (1)
Xe của cô ấy hoặc xe của Helen luôn luôn sẵn sàng.
- **Not only** the students **but also** the professor *is* going to attend. (2)

Không chỉ sinh viên mà cả vị giáo sư cũng sẽ tham dự.

Lưu ý: Với câu có nhiều chủ ngữ nhưng đều là số ít như thí dụ (1) thì không có vấn đề gì, nhưng khi gặp chủ ngữ số ít liên kết với chủ ngữ số nhiều (hoặc ngược lại) như trong thí dụ (2) thì ta cần lưu ý. Để tránh lúng túng trong việc dùng động từ như trong trường hợp thí dụ (2), khi viết những câu có chủ ngữ kép gồm cả danh từ số ít và số nhiều, ta nên đặt chủ ngữ số nhiều nằm gần động từ (và dùng động từ ở hình thức số nhiều). Câu (2) được viết lại “Not only the professor but also the students *are* going to attend”. Hoặc giả, ta có thể sử dụng hình thức động từ không thay đổi với ngôi số của chủ ngữ: “Not only the students but also the professor will attend”.

Quy tắc 6. Với các danh từ tập hợp đứng làm chủ ngữ - như *jury, committee, crowd, team, group, majority...* - hầu hết các trường hợp đều dùng động từ ở hình thức số ít khi ta xem danh từ đó như một đơn vị (unit). Nhưng nếu ta dùng với nghĩa từng thành viên (member) riêng biệt hợp thành, thì lúc đó, danh từ tập hợp cần động từ ở hình thức số nhiều. Chẳng hạn, khi ta dùng danh từ *family* với nghĩa từng thành viên của gia đình riêng biệt.

- The **family** are arriving for the wedding at different times.
(Các thành viên) Gia đình đến dự đám cưới vào những thời điểm khác nhau.

Với danh từ tập hợp *jury*:

- After deliberating, the **jury** reports its verdict.
Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, bồi thẩm đoàn tuyên bố phán quyết của mình.

Trong câu trên, *jury* được xem là một tổng thể duy nhất nên động từ theo sau ở hình thức số ít (reports).

- The **jury** have many specialized skills.
(Các thành viên) Bồi thẩm đoàn có nhiều kỹ năng chuyên biệt.

Câu trên ám chỉ đến những thành viên riêng biệt trong bồi thẩm đoàn nên danh từ tập hợp là số

nhiều và cần động từ ở hình thức số nhiều (have).

- Danh từ tập hợp *number* có thể đòi hỏi động từ số ít hoặc số nhiều: “**The** number of...” thì luôn luôn cần động từ số ít; “**A** number of ...” thì cần động từ ở hình thức số nhiều.

- **The number** of employees needing supervision is diminishing.
Số người làm công cần được giám sát đang giảm đi.
- **A number** of people are asking for bonuses. (Một số người đang đòi tiền thưởng.)

Quy tắc 7. Cần thận với những danh từ có hình thức số nhiều nhưng ngữ nghĩa lại số ít. Đó là những danh từ không đếm được tận cùng bằng “-ics” hoặc “-s” như *news* (tin tức) và các danh từ thường gặp trong các lĩnh vực sau:

- Các môn học và các hoạt động: *athletics* (điền kinh), *economics* (kinh tế học), *linguistics* (ngôn ngữ học), *mathematics* (toán học), *politics* (chính trị học)...
- Các môn chơi, trò chơi: *billiards* (bi-da), *checkers* (cờ đam), *darts* (trò chơi phóng lao trong nhà), *dominoes* (trò chơi đô-mi-nô)...
- Tên một số bệnh: *diabetes* (bệnh tiểu đường), *measles* (bệnh sởi), *mumps* (bệnh quai bị), *rabies* (bệnh dại), *shingles* (bệnh zona, bệnh lở ở mình), *rickets* (bệnh còi xương)...
- **Mathematics** is too difficult for them.
Toán học quá khó đối với họ.
- **Measles** still strikes many Americans.
Bệnh sởi vẫn còn giáng xuống nhiều người Mỹ.

Lưu ý:

1. Các danh từ chỉ môn học tận cùng bằng “-ics” dùng với động từ số ít, nhưng khi những từ đó được dùng với những nghĩa khác thì có thể đòi hỏi động từ số nhiều.

- **Statistics** is an interesting subject.
Thống kê là một môn học thú vị.
- **Statistics** are often misleading.
Số liệu thống kê thường hay sai lạc.

Câu dưới, *statistics* hàm nghĩa: các thống kê, số liệu thống kê là danh từ số nhiều.

2. Khi chủ ngữ là tựa sách, tên các tác phẩm nghệ thuật, kịch bản... thì động từ ở số ít cho dù tựa đề có hình thức số nhiều.

- **Sons and Lovers** was one of the strangest books I have ever read.
Sons and Lovers là một trong những cuốn sách kỳ lạ nhất mà tôi từng đọc.

Quy tắc 8. Một số từ như *pants* (quần dài ở Mỹ, quần lót ở Anh), *trousers* (quần), *pliers* (cái kềm), *scissors* (cái kéo), *shears* (cái kéo lớn - để cắt lông cừu, tia hàng giậu) và *tongs* (cái kẹp) là danh từ số nhiều và cần động từ số nhiều đi cùng. Tuy nhiên, khi có từ *pair* (of) đi trước các danh từ này và đứng làm chủ ngữ thì động từ theo sau là số ít.

- The **scissors** are very sharp.
Cái kéo rất sắc.

- A **pair** of scissors was left on the table.

Cái kéo được để lại trên bàn.

Quy tắc 9. Nên nhớ rằng, *there* và *here* không bao giờ đóng vai chủ ngữ của một câu. Nếu một câu bắt đầu bằng *there* hoặc *here* thì chủ ngữ thường nằm ở phía sau động từ.

- Here are the **pictures** of our wedding.

Đây là những bức ảnh đám cưới của chúng tôi.

- There is only one **desk** in the classroom.

Chỉ có duy nhất một cái bàn ở trong lớp.

Ở câu trên, chủ ngữ không phải là *here* mà là *pictures* nên động từ phải ở số nhiều (are). Câu dưới, chủ ngữ là *desk* nên động từ ở số ít (is).

Những câu bắt đầu với đại từ nhân xưng *It* làm chủ ngữ thì động từ theo sau luôn ở số ít.

- It was Dorothy and Helen who came to see us yesterday while we were away.

Đó là Dorothy và Helen đã đến thăm chúng tôi hôm qua khi chúng tôi đi vắng.

Quy tắc 10. Mặc dù hầu hết các chủ ngữ số nhiều đều có động từ đi theo ở hình thức số nhiều, nhưng với những danh từ nói về số lượng tiền bạc, thời gian, khoảng cách... thì lại đi với động từ số ít. Lúc đó, khối lượng (tiền bạc, thời gian...) được xem là một đơn vị.

- **Eleven hundred dollars** a year was the per capita income in Japan in 1960.

Mười một đô-la một năm là thu nhập bình quân đầu người ở Nhật Bản năm 1960.

- **Twenty miles** is the length of the race.

20 dặm là chiều dài của cuộc đua.

Quy tắc 11. Khi chủ ngữ là một phân số (fraction) hoặc phần trăm (percent), hay các từ như: *half of*, *plenty of* và *the rest of ...*, thì chia động từ tùy thuộc vào danh từ làm bổ ngữ cho giới từ đi theo phân số hoặc phần trăm hay các từ đó. Hãy xem các thí dụ sau:

- **Sixty percent** of his house is painted blue.

60% căn nhà của anh ấy được sơn màu xanh.

- More than **thirty percent** of the houses on this street are for sale.

Hơn 30% những căn nhà trên phố này đang chào bán.

- **Half** (of) her relatives live abroad.

Một nửa thân nhân của cô ấy sống ở hải ngoại.

II. Tài liệu đọc thêm

1. Hãy cẩn thận với các đại từ liên hệ *who*, *which* và *that*. Khi có một trong các đại từ này đứng làm chủ ngữ cho một mệnh đề phụ thuộc, thì động từ trong mệnh đề đó phải phù hợp với tiền tố, tức những từ hay cụm từ được đại từ thay thế.

- John is one of the men who drink too much beer.

John là một trong những người uống quá nhiều bia.

- John is one man who drinks too much beer.

John là một người uống quá nhiều bia.

Sự đồng thuận giữa chủ ngữ và động từ trong câu có đại từ *who*, *which* hoặc *that* dễ bị nhầm lẫn khi trong tiền tố có cụm từ “one of” và “only one of”. Hãy xem xét hai câu sau:

- He is one of those people who are late for everything.
Anh ta là một trong số những người trễ nải với mọi việc.
- He is the only one of those people who is late for everything.
Anh ta là người duy nhất trễ nải với mọi việc.

Câu trên ngụ ý anh ta là một trong số những người trễ nải, đại từ *who* thay thế cho *people* - những người “trễ nải” - nên động từ *to be* ở hình thức số nhiều (*are*). Còn câu dưới, trong số những người thì anh ta là người duy nhất trễ nải. Đại từ *who* thay cho *one* kết hợp với *only* khiến động từ trong mệnh đề phụ phải ở hình thức số ít (*is*).

2. Khi diễn giải các bài toán đơn giản - cộng, trừ, nhân, chia - ta cần lưu ý: Khi cộng hay nhân, ta có thể dùng động từ ở số ít hay số nhiều đều được.

- Two and two is four. *Hoặc: Two and two are four.*
2 cộng 2 là 4.
- Twelve times three is thirty-six. *Hoặc: Twelve times three are thirty-six.*
12 nhân 3 là 36.

Nhưng với trừ và chia, thì luôn luôn dùng động từ số ít.

- Nine minus four is five. *Hoặc: Nine minus four leaves five.*
9 trừ 4 còn 5.
- Fourteen divided by two is seven.
14 chia 2 còn 7.

III. Bài về nhà

Choose the underlined word or phrase (A, B, C, or D) that needs correcting. (Hãy chọn từ hoặc cụm từ được gạch dưới [A, B, C hoặc D] cần phải điều chỉnh lại cho đúng).

1. Although women in this century faces less discrimination than ever before, they still

A

encounter many obstacles that men do not.

B

C

D

2. Everyone have to plan a program that fits into the day's schedule and that allows for good

A

B

C

exercise and appropriate rest.

D

3. John is the only one of the hikers who have climbed above fifteen thousand feet.

A

B

C

D

4. The chief executive of the United States and the commander in chief of its armed forces are

A

B

C

D

the president.

5. Current research on AIDS, in spite of the best efforts of hundreds of scientists, leave serious
A B C

questions unanswered.
D

6. Neither apple pie nor her faded cat posters nor her neglected guppy collection hold the
A B C
slightest interest for Dorothy any more.
D

7. Along with tactics, strategy, and intelligence, logistics are one of the four main elements of
A B C D
military Science.

8. A typical annual flowering plant, the common poppy, flower, produces seeds, and dies in a
A B C D
single season.

9. Today, many scientists disagree over whether the chimpanzee or the bonobo are more human
A B C
in its behaviour.
D

10. Whenever there are red, orange, or brown coloring in sandstone, iron ore is probably present.
A B C D

ĐÁP ÁN

1. A. Chủ ngữ của mệnh đề phụ với *although* là danh từ số nhiều *women* - chứ không phải *century* - nên động từ phải ở hình thức số nhiều (face).
2. A. Đại từ bất định *everyone* đòi hỏi động từ số ít (has).
3. C. Trong số những người đi bộ vượt đả thì chỉ một mình *John* vượt qua *15.000 feet*. Đại từ *who* thay cho *one* kết hợp với *only* khiến động từ trong mệnh đề phụ phải ở hình thức số ít

- (has).
4. D. Ở Hoa Kỳ, người đứng đầu hành pháp đồng thời là tổng tư lệnh quân đội. Đó chính là tổng thống. Trong câu này, liên từ *and* kết hợp 2 danh từ làm chủ ngữ nhưng vì chỉ một người nên động từ phải ở số ít (is).
 5. C. Chủ ngữ thật sự của câu là *research* nên động từ ở số ít (leaves).
 6. C. Động từ phải đồng thuận với chủ ngữ gần nhất, ở đây là *collection* nên phải là số ít (holds).
 7. C. Mặc dù danh từ *logistics* tận cùng bằng “s” nhưng là danh từ số ít (cũng giống như tên các ngành, lĩnh vực nghiên cứu như *economics, physics, mathematics...*) nên động từ *to be* phải là *is*.
 8. C. Từ *flower* dễ bị nhầm lẫn trong câu này. Điều quan trọng là phải nhận ra *flower* ở đây là động từ (với nghĩa: ra hoa, nở hoa), và là động từ thì *flower* phải ở hình thức số ít (flowers) để phù hợp với chủ ngữ số ít “poppy”. Như vậy, chủ ngữ “poppy” có 3 động từ song hành: *flowers, produces* và *dies*.
 9. B. Chủ ngữ gần là *bonobo* nên động từ ở số ít (is).
 10. B. *There is* thay cho *there are* để phù hợp với chủ ngữ số ít là *coloring*.